

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 117/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03.7.2020

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng - Cán bộ hưu trí xã Nhơn An, thị xã An Nhơn.

2. Bà Nguyễn Thị Thảo - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST.HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18.6.2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 20 đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng Hải A, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 20 đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:* Chị và anh Nguyễn Hoàng Hải A tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, trước khi kết hôn với chị thì anh A cũng đã có vợ và ly hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, về sau vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2013 khi chị có thai người con thứ hai thì anh A có quan hệ tình cảm, có

con và chung sống với người phụ nữ khác. Lúc đó anh A nhiều lần đề nghị ly hôn nhưng vì con còn nhỏ, sức khỏe chị suy giảm, tinh thần sa sút và mặc cảm tự ti nên chị không đồng ý. Sau một thời gian thì anh A từ bỏ người phụ nữ kia quay về nhưng vợ chồng chung sống không hạnh phúc và thường xuyên xung đột mâu thuẫn. Sau đó anh A lựa chọn cách sống tu hành tại gia nên dành nhiều thời gian vào việc tu tập và không có trách nhiệm với vợ con. Ngay cả những lúc chị bị bệnh, anh A không hề quan tâm, chị phải tự mình điều trị và nhờ cha mẹ anh em chăm sóc các con. Mặc dù vợ chồng còn sống chung nhà nhưng đã từ lâu cả hai không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định hiện mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, cả hai không còn tình cảm với nhau nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Hải A.

Về con chung: có 02 người con gồm Nguyễn Hiền T (sinh ngày 17.4.2010), Nguyễn Hữu P (sinh ngày 28.12.2013). Ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi hai người con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Hoàng Hải A trình bày:* Anh thống nhất như chị N trình bày về thời gian kết hôn chung sống, sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha ruột của anh tại số nhà 20 đường T, phường B, vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên khoảng năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nhưng vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng từ năm 2019 cho đến nay. Nguyên nhân chính là do em gái đã ly hôn chồng, không có chỗ ở nên phải ở chung nhà với cha, cuộc sống chung đông người nên không thoải mái, giữa em gái và vợ cũng thường xảy ra mâu thuẫn. Thêm vào đó, giữa anh và chị N mặc dù sống chung nhà nhưng không gần gũi nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, tuy nhiên anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con tên Nguyễn Hiền T (sinh ngày 17.4.2010) Nguyễn Hữu P (sinh ngày 28.12.2013) hiện đang sống với vợ chồng.

Ly hôn, anh yêu cầu giao hai người con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Hải A.

- Chấp nhận yêu cầu của chị N được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung tên Nguyễn Hiền T (sinh ngày 17.4.2010) và Nguyễn Hữu P (sinh ngày 28.12.2013) không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.
- Tài sản chung: Chị N, anh A không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.
- Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Hoàng Hải A ở số nhà 20 đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Hoàng Hải A được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Hoàng Hải A được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND phường B cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị N và anh A chung sống với nhau trong một khoảng thời gian ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh A có tình cảm và có con riêng với người phụ nữ khác nhưng vì con nên chị vẫn chấp nhận. Nhưng thời gian sau này anh A lại dành nhiều thời gian vào việc tu hành, bỏ mặc không quan tâm vợ con nên giữa vợ chồng không còn niềm tin và tình cảm dần phai nhạt. Mặc dù vẫn còn sống chung nhà nhưng cả hai không quan tâm chăm sóc nhau, mọi sinh hoạt đều độc lập. Tại phiên tòa, chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm nên kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Ngược lại trong quá trình làm việc, anh A khai vợ chồng chung sống mâu thuẫn từ năm 2015 nhưng đến năm 2019 thì mâu thuẫn căng thẳng cho đến nay nhưng anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không đồng ý ly hôn, tuy nhiên anh A lại không có giải pháp tích cực để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mặc khác khi Tòa án tiến hành các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh A lại luôn vắng mặt, không thiện chí, không phối hợp với Tòa án trong việc hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân anh A cũng xác định mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng không gần gũi nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, anh A không tha thiết đến việc hàn gắn tình cảm, hạnh phúc vợ chồng nên khả năng đoàn tụ là không có. Từ đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị

N, anh A đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N.

[2.2] Về con chung: Chị N, anh A xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Hiền T (sinh ngày 17.4.2010) và Nguyễn Hữu P (sinh ngày 28.12.2013) hiện đang sống với anh chị. Ly hôn, chị N anh A cùng thống nhất giao hai người con cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Hiền T nên Hội đồng xét xử công nhận giao hai người con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N. Cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Hải A

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

Giao hai người con Nguyễn Hiền T (sinh ngày 17.4.2010) và Nguyễn Hữu P (sinh ngày 28.12.2013) cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh A không yêu cầu giải quyết

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004896 ngày 18.02.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND phường B
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ